TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 12 - 9 - 2019
V/v xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn A Đam

Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Út X, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Trí P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Hoàng X1, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Trí L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Anh Nguyễn Hoàng D (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Trí P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Anh Hồ Hoàng X1 – Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út X trình bày:

Chị X và anh X1 tự nguyện chung sống với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy bân nhân dân xã Trí P, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 14-02-2008. Thời gian chung sống, anh X1 thường xuyên nhậu nhẹt, tình cảm vợ chồng không

mặn nồng, nhiều lần chị khuyên ngăn nhưng anh X1 không sửa chữa. Vì vậy anh, chị đã ly thân từ ngày 17-5-2018 cho đến nay, xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh X1 được nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có một người con chung là Hồ Gia B sinh ngày 27-01-2010 hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh X1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị X và anh X1 có 01 chiếc xe hiệu Future biển số 69D1-346.70, mua năm 2017, giá 33.000.000 đồng do anh X1 đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Chị tự nguyện rút lại không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung này.

Về nợ chung: Do không đủ tiền để mua chiếc xe nói trên nên chị và anh X1 có hỏi vay của anh D số tiền 18.000.000 đồng để mua, anh X1 có làm "tờ cam kết ngày 25-8-2018 âm lịch" với anh D, thỏa thuận, mỗi tháng anh X1 thanh toán cho anh D số tiền 1.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay chị và anh X1 chưa thanh toán cho anh D. Chị yêu cầu anh X1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ trên cho anh D.

Bị đơn anh Hồ Hoàng X1 trình bày:

Anh X1 thống nhất theo phần trình bày của chị X về các mối quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung, anh X1 bổ sung ý kiến: Về hôn nhân anh thống nhất ly hôn với chị X vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Anh thống nhất giao cháu Hồ Gia B cho chị X nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Số tiền mua chiếc xe hiệu Future biển số 69D1-346.70 là tiền anh làm thuê cho anh D. Trước đây (không nhớ rõ thời gian) anh có làm thuê cho anh D thời gian là 6,5 tháng, mỗi ngày 200.000 đồng, tổng số tiền làm thuê cho anh D là 39.000.000 đồng. Anh D chưa thanh toán tiền làm thuê cho anh. Năm 2017, anh và anh D đi mua chiếc xe nói trên với giá 32.800.000 đồng. Anh D là người trực tiếp thanh toán tiền mua xe rồi trừ vào tiền anh làm thuê cho anh D. Anh yêu cầu được tiếp tục quản lý xe và không đồng ý phân chia giá trị xe cho chị X với số tiền là 10.000.000 đồng, vì tiền mua xe là do anh làm thuê cho anh D có được, chị X không có đóng góp công sức vào việc mua chiếc xe nói trên.

Về nợ chung**:** Anh không có nợ anh D số tiền 18.000.000 đồng như chị X trình bày. "Tờ cam kết ngày 25/8/2018 âm lịch" anh có ký tên, khi ký anh có biết số tiền ghi trong tờ cam kết là 18.000.000 đồng, số tiền này là do anh D tự tính trừ tiền anh làm thuê cho anh D với số tiền anh D thanh toán khi anh mua xe nhưng anh D tính tiền anh làm thuê không đúng thỏa thuận ban đầu nên anh không đồng ý. Nay anh không thống nhất thanh toán nợ cho anh D vì tiền công anh thuê cho anh D nhiều hơn số tiền mua xe nên anh không còn nợ anh D.

Ngoài ra, anh có hùn vốn với anh D mua một chiếc ghe và một cái máy dầu Ga 100 với số tiền là 70.000.000 đồng để mua bán nước đá được 03 năm thì anh đi thành phố làm thuê, trong thời gian này anh D đã bán chiếc ghe và cái máy nói trên, anh yêu cầu anh D thanh toán số tiền hùn vốn lại cho anh theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hoàng D trình bày:

Ngày 16-12-2017 (âm lịch) anh X1, chị X có mua một chiếc xe hiệu Future biển số 69D1-346.70 với số tiền là 33.000.000 đồng, số tiền anh X1 làm thuê cho anh được 15.000.000 triệu đồng do không đủ trả tiền mua xe nên chị X, anh X1 có mượn thêm của anh số tiền 18.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Anh yêu cầu chị X, anh X1 thanh toán cho anh số tiền 18.000.000 đồng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út X và anh Hồ Hoàng X1 được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Hồ Gia B, sinh ngày 27-01-2010 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh X1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B theo mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04-7-2019) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh X1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản chung của chị X.

Về nợ chung: Buộc chị X, anh X1 mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho anh D số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/7/2019 anh Hồ Hoàng X1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần con chung và nợ chung với nội dung: Không chấp nhận về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Út X và bác về phần nợ chung.

Tại phiên tòa:

Anh X1 trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và không trả nợ cho anh D.

Nguyên đơn trình bày: Không thống nhất với yêu cầu kháng của anh X1; đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên xử về hôn nhân chị Nguyễn Thị Út X và anh Hồ Hoàng X1 được ly hôn; về con chung chị X nuôi, anh X1 cấp dưỡng nuôi con; về nợ trả chị X và anh X1 mỗi người thanh toán cho anh D 9.000.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo, anh X1 yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm với nội dung là anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; về nợ trả không đồng ý trả nợ cho anh D 9.000.000 đồng.

[2.1] Xét kháng cáo về không đồng ý cấp dưỡng: Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Chị X trực tiếp nuôi con, cho nên cấp sơ thẩm buộc anh X1 cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của anh X1 về việc không cấp dưỡng cho con không được chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo về không đồng ý trả nợ: Chị X, anh D xác nhận khi mua xe do không đủ tiền nên anh D cho vợ chồng anh X1 mượn 18 triệu đồng. Anh X1 có ký tên vào tờ cam kết trả nợ cho anh D và thừa nhận có mượn tiền anh D mua xe nhưng trừ vào tiền làm công cho anh D. Về phía anh X1 không có căn cứ chứng minh cho việc mượn tiền và đã trả bằng khoản tiền công. Mặt khác, chiếc xe lúc mua giá 32.800.000 đồng, chị X không yêu cầu chia giá trị chiếc xe mà hiện tại anh X1 đang được sở hữu chiếc xe. Vì vậy, kháng cáo của anh X1 về việc không chấp nhận thanh toán 09 triệu đồng cho anh D không được chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh X1; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp với những nhận định trên, nên được chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh X1 phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Về phần xử lý án phí: Cấp sơ thẩm nhận định chị X nộp tạm ứng án phí 450.000 đồng tại Biên lai số 0006100 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được đối trừ, chị X nộp tiếp 300.000 đồng và chưa xử lý số tiền dự nộp án phí của anh Nguyễn Hoàng Dưỡng là có sai sót. Tuy nhiên sai sót này không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại mà không cần sửa bản án sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm. Cụ thể như sau:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị X, anh X1 mỗi người phải chịu 750.000 đồng án phí không giá ngạch và án phí có giá ngạch.

Ngày 21/12/2018 chị X đã dự nộp tạm ứng án phí 1.125.000 đồng tại Biên lai số 0005852 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được đối trừ, chị X được nhận lại 375.000 đồng.

Anh Nguyễn Hoàng Dưỡng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 25/4/2019 anh D đã dự nộp 450.000 đồng tại Biên lai số 0006100 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Hoàng X1; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út X và anh Hồ Hoàng X1 được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Gia B, sinh ngày 27- 01- 2010 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh X1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B theo mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04-7-2019) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh X1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu phần chia tài sản chung của chị X.

- Về nợ chung: Buộc chị X, anh X1 mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho anh D số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Trường hợp chị X, anh X1 chậm thanh toán phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, anh X1 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị X, anh X1 mỗi người phải chịu 750.000 đồng án phí không giá ngạch và án phí có giá ngạch.

Ngày 21/12/2018 chị X đã dự nộp tạm ứng án phí 1.125.000 đồng tại Biên lai số 0005852 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được đối trừ, chị X được nhận lại 375.000 đồng.

Anh Nguyễn Hoàng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 25/4/2019 anh D đã dự nộp 450.000 đồng tại Biên lai số 0006100 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được nhận lại.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Hồ Hoàng X1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16/7/2019, anh X1 đã dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0010544 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền